

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 13- 8- 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình

2. Bà Trần Thị Nơi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường - Thư ký TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mã Thị Hồng V1, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh V2, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị V1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh V2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Mã Thị Hồng V1 trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Thanh V2 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 31/12/2015. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 04 tháng thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay do vợ chồng tính tình, lối sống không hợp nhau, không quan tâm đến nhau. Chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh V2.

Chị và anh V2 có 01 con chung là Mã Diệu A, sinh ngày 07/8/2016. Hiện con chung đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị V1 xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh V2 phải góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị V1 khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Bị đơn là anh Trần Thanh V2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh V2 không có mặt để tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa. Trong biên bản lấy lời khai của anh V2 tại gia đình, anh V2 đã xác nhận về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị V1 trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 02 tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do sự khác nhau về văn hóa vùng miền. Chị V1 chỉ sống với gia đình nhà chồng một thời gian ngắn thì bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị V1 sinh sống cho đến nay. Anh V2 không đồng ý ly hôn với chị V1. Anh và chị V1 có 01 con chung như chị V1 đã khai. Nếu chị V1 cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh và chị V1 không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ hôn nhân cần xử cho chị V1 được ly hôn anh V2; về quan hệ con chung cần xử giao con chung là Mã Diệu A cho chị V1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V2 không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản không đặt ra giải quyết. Chị V1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1

Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Mã Thị Hồng V1 và anh Trần Thanh V2 xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo chị V1 thì vợ chồng chung sống với nhau được 04 tháng thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay do tính tình, lối sống không hợp nhau. Anh V2 cũng xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn sau khi kết hôn 02 tháng do có sự khác nhau về văn hóa vùng miền và chị V1 đã bỏ về sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị V1 nhưng anh V2 không đồng ý ly hôn với chị V1. Qua xác minh tại cơ sở thôn nơi cư trú của anh V2 xác định chị V1 và anh V2 đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay không thấy chị V1 về địa phương. Xét mâu thuẫn giữa chị V1 và anh V2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị V1, xử cho chị V1 được ly hôn anh V2 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Con chung là Mã Diệu A, sinh ngày 07/8/2016 hiện còn nhỏ và đang sinh sống ổn định cùng chị V1. Cần giao con chung cho chị V1 trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị V1 là phù hợp.

Về quan hệ tài sản: Chị V1 và anh V2 đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

[3] Về án phí: Chị V1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mã Thị Hồng V1 được ly hôn anh Trần Thanh V2.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Mã Thị Hồng V1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Mã Diệu A, sinh ngày 07/8/2016. Chị V1 không yêu cầu anh Trần Thanh V2 phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về án phí: Chị Mã Thị Hồng V1 phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*

đồng) chị V1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005579 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Mã Thị Hồng V1 và anh Trần Thanh V2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hung Hà,
- UBND xã Th, H. H,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng